

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 04-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 04-01-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 22-52-2020, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-ST ngày 20-11-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17-12-2020, giữa các đương sự:

- Đương nguyên đơn:

+ Bà Lê Thị L; nơi cư trú: Đội 1, ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

+ Ông Nguyễn Duy X (tên gọi khác Nguyễn Duy X1); nơi cư trú: Đội 1, ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Bà Lê Thị L; nơi cư trú: Đội 1, ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền ngày 28-5-2020), có mặt;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông X: Bà Trần Thị Th và ông Trần Minh Ngh - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, ông Ngh có mặt, bà Th vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H; nơi cư trú: Thôn ThĐ, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi công tác: Trường tiểu học xã HNh, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-7-2019, tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, đồng nguyên đơn và trợ giúp viên pháp lý thống nhất trình bày:

Vợ chồng bà Lê Thị L và ông Nguyễn Duy X (tên gọi khác: Nguyễn Duy X1) đã nhiều lần cho chị Trần Thị H vay tiền với mục đích để tiêu dùng. Cụ thể: Ngày 15-4-2013 chị H vay 50.000.000 đồng; ngày 07-5-2014 chị H vay 52.000.000 đồng; ngày 15-6-2014 chị H vay 10.000.000 đồng; ngày 15-10-2014 chị H vay 430.000.000 đồng; ngày 29-10-2014 chị H vay 5.000.000 đồng; ngày 16-11-2014 chị H vay 10.000.000 đồng; ngày 17-11-2014 chị H vay 14.000.000 đồng. Tổng số tiền ông X và bà L cho chị H vay là 571.000.000 (Năm trăm bảy mươi một triệu) đồng, lãi suất các bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng không ghi vào giấy vay nợ. Việc vay nợ có sổ ghi chép và có chữ viết, chữ ký của chị Trần Thị H. Tuy nhiên, sau khi vay nợ chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ lãi và gốc cho ông X, bà L như đã thỏa thuận. Ông bà đã nhiều lần yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H luôn tìm cách khất lần, trì hoãn không trả nợ cho ông bà. Nay, ông X và bà L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo buộc chị H phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 571.000.000 (Năm trăm bảy mươi một triệu) đồng. Do hoàn cảnh của chị H có phần khó khăn về kinh tế nên ông bà miễn toàn bộ số tiền nợ lãi của khoản tiền vay trên cho chị H.

Tại phiên tòa bị đơn là chị Trần Thị H vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 18-6-2020, khai nhận: Chị có vay tiền của vợ chồng bà L, ông X cụ thể: Ngày 15-4-2013 vay 50.000.000 đồng; ngày 07-5-2014 vay 52.000.000 đồng; ngày 15-6-2014 vay 10.000.000 đồng; ngày 15-10-2014 vay 430.000.000 đồng; ngày 29-10-2014 vay 5.000.000 đồng; ngày 16-11-2014 vay 10.000.000 đồng; ngày 17-11-2014 vay 14.000.000 đồng. Tổng số tiền chị vay của bà L và ông X là 571.000.000 (Năm trăm bảy mươi một triệu) đồng, lãi suất tính theo ngày, thời hạn trả tiền vay theo thỏa thuận. Sau khi vay, do làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn nên không trả được nợ gốc và nợ lãi cho vợ chồng bà L, ông X. Nay chị đề nghị được trả dần nợ gốc và xin miễn toàn bộ lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Căn cứ vào các điều 463; 466; 468, khoản 2 Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, buộc bị đơn là chị Trần Thị H phải trả cho đồng nguyên đơn là bà Lê Thị L và ông Nguyễn Duy X, tổng số tiền là 571.000.000 (Năm trăm bảy mươi một triệu) đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tính từ ngày 05-01-2021 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản giữa đồng nguyên đơn là bà Lê Thị L, ông Nguyễn Duy Xoa; nơi cư trú: Xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và bị đơn là chị Trần Thị H có nơi cư trú: Thôn Thâm Động, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, đồng nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là chị Trần Thị H đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là chị Trần Thị H.

- Về nội dung vụ án:

[4] Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Trong các ngày 15-4-2013; 07-5-2014; 15-6-2014; 15-10-2014; 29-10-2014; 16-11-2014; 17-11-2014, giữa vợ chồng ông Nguyễn Duy X, bà Lê Thị L với chị Trần Thị H có thỏa thuận việc vay nợ với tổng số tiền vay là 571.000.000 (Năm trăm bảy mươi một triệu) đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất vay các bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng, không ghi vay giấy vay nợ, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận đã thể hiện ý chí tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa bà Lê Thị L, ông Nguyễn Duy X với chị Trần Thị H là có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[5] Thực hiện hợp đồng vay tài sản nêu trên bà Lê Thị L và ông Nguyễn Duy X đã cho bên vay là chị Trần Thị H vay số tiền là 571.000.000 (Năm trăm bảy mươi một triệu) đồng theo danh sách nhận nợ và đã được các bên xác nhận là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được bà L, ông X đôn đốc nhiều lần nhưng chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình như đã cam kết. Do đó, bà L, ông X yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả tổng số tiền nợ 571.000.000 (Năm trăm bảy mươi một triệu) đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Tại phiên tòa đồng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463; 466; 468; khoản 2 Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là bà Lê Thị L và ông Nguyễn Duy X (tên gọi khác: Nguyễn Duy X1).

2. Buộc chị Trần Thị H phải trả cho bà Lê Thị L và ông Nguyễn Duy X số tiền là 571.000.000 đồng (Năm trăm bảy một triệu đồng).

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.840.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đồng nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05-01-2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh